TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Cường.

2. Bà Tô Thị Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đội 05, Thôn Chánh Hội, xã Cát Chánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 09 Mạc Đăng Dung, tổ 13 (nay là tổ 04), phường Hội Phú, thành phố P, tỉnh G.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 08-01-2019, bản khai ngày 10-01-2019, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hội Phú, thành phố P, tỉnh G ngày 07-11-2012. Sau khi kết hôn, thì cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, thời gian về sau thì cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không tập trung làm ăn để cùng chị xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình mà còn lâm vào con đường cờ bạc, gây nợ nần nhiều người. Bản thân chị và gia đình hai bên đã nhiều lần can ngăn và tha thứ nhưng anh H không tu chí làm ăn, không chịu thay đổi dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng

thẳng, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc cả hai sống ly thân với nhau từ cuối năm 2014 đến nay. Hiện tại không ai còn quan tâm, chăm sóc gì nhau, phần người nào chỉ biết người đó. Đời sống chung của vợ chồng không thể hòa hợp và không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa, chị vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh Nguyễn Văn H có một con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, sinh ngày 02-7-2012. Hiện con còn nhỏ và đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị đủ khả năng về thời gian, tài chính để nuôi con, nên chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng tiền hàng tháng để chị nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết các quan hệ này.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, anh H không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa. Do vậy, anh Nguyễn Văn H không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên toà.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thu H; giao cháu Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, sinh ngày 02-7-2012 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và buộc chị Lê Thị Thu H pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và Thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Thu H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân thành phố P, tỉnh G giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Nguyễn Văn H. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị H đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Bị đơn là anh Nguyễn Văn H cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để trình bày ý kiến của mình, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hội Phú, thành phố P, tỉnh G ngày 07-11-2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, chị H và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó. Mặc dù, đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không những không được hàn gắn mà ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc cả hai sống ly thân với nhau. Qua xác minh, địa phương nơi anh H sinh sống cũng xác nhận trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H lâm vào cờ bạc, gây nợ nần nhiều người.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh H đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để anh H tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình về việc chị H xin ly hôn nhưng anh H đều vắng mặt chứng tỏ anh không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt mà không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là chính đáng, có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H có một con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, sinh ngày 02-7-2012. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Nhận thấy, từ nhỏ cho đến nay cháu Hạnh ở với chị H, được chị H chăm sóc, nuôi dạy chu đáo, chị H có công việc và thu nhập ổn định nên đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt của con. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị Lê Thị Thu H là có cơ sở và chính đáng, phù hợp theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Lê Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu H được chấp nhận nên chị H pH chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, sinh ngày 02-7-2012 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H pH chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004490 ngày 10-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh G; chị Lê Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu H được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G để xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND phường Hội Phú, thành phố P, tỉnh G(GCNKH số 97, quyển số 01, đăng ký ngày 07-11-2012);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nhàn